TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 11 /2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 20 - 6 - 2019
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**
Ông **Đỗ Minh Thân**

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Anh Xuân Ngọc là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông **Hoàng Tuấn Dũng** - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Minh K,** sinh năm 1980
Địa chỉ: Khu 2, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1984
Địa chỉ: Khu 2, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Chỗ ở hiện tại: Khu 6, xã P, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 11/3/2019, được bổ sung bằng bản tự khai ngày 04/4/2019 nguyên đơn là anh Nguyễn Minh K trình bày:**

- Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị P vào ngày 14/4/2005, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng nhà bố mẹ đẻ anh K nhưng ăn riêng. Tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên sống xa cách nhau và không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Kể từ tháng 8/2018 cho đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay anh K xác định không còn tình cảm gì với chị P nữa, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

- Về con chung: Anh K xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 1x/02/2006 và cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 2x/10/2009, hiện nay đều đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh K đề nghị được nuôi cả 02 con, anh Kkhông yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Anh K không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết chị P đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia các phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng, xác minh tại UBND xã T, xã P huyện Thanh Thủy và ghi lời khai, tống đạt các văn bản tố tụng cho gia đình chị Phương.**

Ngày 09/5/2019 chị P đến Tòa án và có quan điểm như sau:

- Chị kết hôn với anh Nguyễn Minh K vào ngày 14/4/2005, việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ăn ở cùng nhà bố mẹ đẻ anh K trong thời gian là 3 năm, sau đó vợ chị vẫn ở chung nhà nhưng ăn riêng. Đến tháng 9/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Kể từ tháng 9/2018 cho đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh K.

- Về con chung: Chị P xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 1x/02/2006 và cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 2x/10/2009. Hiện nay các con đều đang ở với anh K. Khi ly hôn nguyện vọng của chị là vẫn muốn được nuôi con, nhưng vì chị thường xuyên phải đi làm ăn không có điều kiện để nuôi dạy các con nên chị đề nghị giao cho anh Khánh trực tiếp nuôi cả 02 con, chị đề nghị thì anh K và gia đình anh cho chị được thăm nom, chăm sóc các con và đón các con đi chơi mỗi khi chị về. Về cấp cấp dưỡng nuôi con chung chị P đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Phương không yêu cầu giải quyết.

** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa:*

-Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

*- Về nội dung vụ án**:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thi: Xử cho anh K được ly hôn chị P; Về con chung: Giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 1x/02/2006 và cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 2x/10/2009 kể từ ngày 20/6/2019 cho đến khi cháu các cháu thành niên. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu C, cháu T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Anh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho các bên đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tuy nhiên chị Phương đều vắng mặt, sau đó anh Khánh có đơn đề nghị từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Do vậy căn cứ vào Khoản 1, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Anh Khánh và chị Phương do điều kiện bận công việc làm ăn, đi lại khó khăn vất vả nên anh Khánh và chị Phương đã có đơn đề nghị xét xử việc ly hôn vắng mặt.

Căn cứ khoản 1, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh K kết hôn với chị P vào ngày 14/4/2005, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh K và chị P đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn thực tế chung sống, chị P đã về sinh sống với bố mẹ đẻ tại khu 6 xã P, huyện Thanh Thủy. Như vậy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không hợp tác hòa giải. Anh K đề nghị ly hôn chị P có quan điểm nhất trí do tình cảm không còn. Vì vậy cần xử cho anh K được ly hôn chị P là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh K kết hôn và chị P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 1x/02/2006 và cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 2x/10/2009. Khi ly hôn anh K đề nghị được nuôi cả 02 con, chị P thể hiện quan điểm đồng ý giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng các con vì chị thường xuyên phải đi làm ăn không có điều kiện để nuôi dạy các con. Mặt khác cháu C và cháu T đều thể hiện quan điểm là muốn được ở với anh K. Do vậy cần giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và cháu T là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Khánh không yêu cầu nên chị Phương không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh K và chị P không yêu cầu giải quyết. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4]Về án phí: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án;

Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Minh K được ly hôn chị Nguyễn Thị Ph.

2. Về con chung: Xử giao cho anh K trực tiếp trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 1x/02/2006 và cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 2x/10/2009 kể từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu các cháu thành niên.

Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu C, cháu T và có quyền, nghĩa vụ trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Anh K phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2017/0001508 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Viết Tú